

Số: 770 /BTNMT- TCQLĐĐ

Hà Nội, ngày 11 tháng 3 năm 2015

V/v đơn đốc tổ chức, triển khai thực hiện công tác kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2014

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Thực hiện Luật Đất đai năm 2013; Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 01 tháng 8 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch số 02/KH-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường về thực hiện kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2014, các địa phương phải hoàn thành việc kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất ở cấp xã xong trước ngày 01/6/2015, đây là thời gian quan trọng có tính chất quyết định đối với việc hoàn thành kiểm kê đất đai năm 2014 bảo đảm thời gian và chất lượng. Tuy nhiên, hiện nay còn một số địa phương chưa duyệt kinh phí cho triển khai; việc tiếp tục triển khai thực hiện kiểm kê sau nghỉ tết Nguyên đán còn chậm; do vậy, Bộ Tài nguyên và Môi trường đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện ngay một số nội dung sau:

1. Khẩn trương phê duyệt phương án, dự toán và bố trí kinh phí để thực hiện kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất hoàn thành trong năm 2015 theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

Đối với các xã, phường, thị trấn đang thực hiện kiểm kê rừng theo Quyết định số 594/QĐ-TTg ngày 15/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Dự án “Tổng điều tra, kiểm kê rừng toàn quốc giai đoạn 2013-2016” nhưng đến thời điểm hiện nay (31/3/2015) vẫn chưa hoàn thành kiểm kê rừng thì phải chỉ đạo thực hiện điều tra khoanh vẽ bản đồ trong kiểm kê đất đai đối với khu vực đất lâm nghiệp và phải được bố trí kinh phí thực hiện mà không tính giảm trừ kinh phí điều tra khoanh vẽ thực địa đối với đất lâm nghiệp trong dự toán kinh phí kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2014.

2. Chỉ đạo cấp huyện, xã tiếp tục, khẩn trương tổ chức triển khai thực hiện điều tra kiểm kê ở các xã, phường, thị trấn để bảo đảm thời gian kiểm kê theo yêu cầu. Chỉ đạo cơ quan Tài nguyên và Môi trường các cấp huyện, tỉnh tập trung lực lượng tăng cường về các xã, phường, thị trấn để kiểm tra, giám sát hướng dẫn thực hiện ở cấp xã, đặc biệt trong giai đoạn điều tra ngoại nghiệp để bảo đảm chất lượng kiểm kê đất đai.

3. Chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp chặt chẽ với Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Sở Công an và các đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an triển khai thực hiện ngay việc kiểm kê đất quốc phòng, đất an ninh ở địa phương, hoàn thành và gửi kết quả xong trước ngày 01/6/2015 để phục vụ yêu cầu tổng hợp kết quả ở cấp xã của các địa phương.

4. Đối với các khu vực còn tranh chấp địa giới hành chính, các cấp cần chỉ đạo thực hiện kiểm kê đất đai theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 của Thông tư số 28/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất; trong đó, cần chú ý bảo đảm:

- Khu vực tranh chấp được kiểm kê lập thành biểu riêng mà không tổng hợp vào tổng diện tích của đơn vị hành chính đang tranh chấp; diện tích đang tranh chấp giữa các tỉnh, thành phố không được tổng hợp vào tổng diện tích tự nhiên của tỉnh, thành phố có tranh chấp.

- Diện tích đang tranh chấp giữa các đơn vị hành chính trực thuộc phải được tổng hợp vào tổng diện tích tự nhiên của đơn vị hành chính cấp trên của đơn vị hành chính đang có tranh chấp.

- Các tỉnh, thành phố có các điểm tranh chấp địa giới hành chính cấp tỉnh (*Phụ lục danh sách các tỉnh, thành phố có điểm tranh chấp cấp tỉnh kèm theo Công văn này*) cần phải kiểm kê và có báo cáo phần diện tích đất tranh chấp gửi về Bộ Tài nguyên và Môi trường để xử lý, tổng hợp chung cả nước.

5. Chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường trong tháng 3 phải chạy thử phần mềm kiểm kê đất đai do Tổng cục Quản lý đất đai xây dựng (*được đăng trên Website của Tổng cục*) nhằm rút kinh nghiệm, phát hiện, xử lý những tồn tại bất cập của phần mềm để chuẩn bị tốt cho việc tổng hợp số liệu kiểm kê ngay sau khi hoàn thành điều tra khoanh vẽ các khoanh đất, lập bản đồ kết quả điều tra kiểm kê. Trong quá trình sử dụng phần mềm kiểm kê đất đai nếu có vướng mắc đề nghị liên hệ trực tiếp với Tổng cục Quản lý đất đai để được giải đáp, hướng dẫn, xử lý khắc phục tồn tại.

Đề nghị các địa phương khẩn trương thực hiện và gửi báo cáo tiến độ thực hiện Chỉ thị số 21/CT-TTg và dự toán kinh phí về Bộ Tài nguyên và Môi trường - địa chỉ số 10 phố Tôn Thất Thuyết - quận Nam Từ Liêm - thành phố Hà Nội trước ngày 20 tháng 03 năm 2015 (file số gửi theo địa chỉ pthongke2012@gmail.com - số điện thoại 04.36290208) để tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Nguyễn Minh Quang (để báo cáo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Vụ Kế hoạch; Vụ Tài chính;
- Lưu VT, VP(TH), TCQLĐĐ(130).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**


Trần Hồng Hà

Phụ lục:

(Ban hành kèm theo Công văn số 770/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 11 tháng 3 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

DANH SÁCH CÁC KHU VỰC TRANH CHẤP ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

Tính đến ngày 17/12/2014

TT	Tên ĐVHC có liên quan		Khu vực	Diện tích (ha)	Ghi chú
	Tỉnh, huyện, xã	Tỉnh, huyện, xã			
1	TP. Hà Nội H. Sóc Sơn Xã Minh Trí	T. Vĩnh Phúc TX. Phúc Yên Xã Ngọc Thanh	Dãy núi Chân Chim	63,30	01 điểm
2	TP. Hải Phòng H. Tiên Lãng Xã Đại Thắng	T. Hải Dương H. Tứ Kỳ Xã Quang Trung	Nông trường Quý Cao	196,16	01 điểm
3	TP. Hải Phòng	T. Quảng Ninh			02 điểm
a	H. Cát Hải, Hải An Thủy Nguyên	H. Yên Hưng	Bãi Nhà Mạc	5.995,00	23540 ha
b	H. Cát Bà	TP. Hạ Long	Bắc đảo Cát Bà	17.545,00	(bao gồm các đảo và mặt nước)
4	TP. Hà Nội	T. Hòa Bình			08 điểm
a	Xã Khánh Thượng, huyện Ba Vì	Xã Hợp Thịnh, H. Kỳ Sơn	Núi Đá Chẹ	10,77	
b	Xã Tuy Lai, huyện Mỹ Đức	Xã Trung Sơn, Cao Dương, H. Lương Sơn	Núi Ô Môn	588,34	
c	Xã Trần Phú, huyện Chương Mỹ	Xã Thành Lập, H. Lương Sơn	Hồ Đồng Sương	190,25	
d	Xã Đông Yên, huyện Quốc Oai,	Xã Hòa Sơn, H. Lương Sơn	Đồi Lau	12,61	
e	Xã Thủy Xuân Tiên, huyện Chương Mỹ	Xã Nhuận Trạch, H. Lương Sơn	Trường CĐ Cộng đồng Hà Tây	33,10	
g	Thị trấn Xuân Mai, huyện Chương Mỹ	Xã Hòa Sơn, H. Lương Sơn	Cầu Ké-cầu Năm Lu	109,93	
h	Thị trấn Xuân Mai, huyện Chương Mỹ	Xã Hòa Sơn, H. Lương Sơn	Lữ đoàn Tăng Thiết giáp 201	133,96	

i	Xã Nam Phương Tiến, huyện Chương Mỹ.	Xã Liên Sơn, H. Lương Sơn	Đồi Ngõng Côi (núi Giang Bò)	901,93	
5	TP. Hà Nội	T. Hà Nam			01 điểm
	Xã Hồng Quang, huyện Ứng Hòa	Xã Tượng Lĩnh, H. Kim Bảng		24,00	
6	T. Hòa Bình	T. Ninh Bình			04 điểm
a	Xã Đồng Tâm, huyện Yên Thủy	Xã Gia Hưng, H. Gia Viễn	Đền Cát Đùn	141,82	
b	Xã Đồng Tâm, huyện Lạc Thủy	Xã Gia Hòa, H. Gia Viễn	Đá Hàn	104,43	
c	Xã Ngọc Lương, H. Yên Thủy	Xã Yên Quang, H. Nho Quan	Máng Éch	30,07	
d	Xã Đoàn Kết, H. Yên Thủy	Xã Thạch Bình, H. Nho Quan	Chín Quả Đồi Lim	94,27	
7	T. Hòa Bình Xã Vạn Mai, huyện Mai Châu	T. Thanh Hóa Xã Phú Thanh, H. Quan Hóa	Vạn Mai	85,44	01 điểm
8	T. Quảng Trị	T. Thừa Thiên Huế			02 điểm
a	Xã A Bung, huyện Đa Krông	Xã Hồng Thủy, H. A Lưới	Khu vực xã Hồng Thủy	11.650,00	
b	Xã Hải Chánh, H. Hải Lăng	Xã Phong Thu, H. Phong Điền	Câu Nhị phường	204,50	
9	TP. Đà Nẵng Q. Liên Chiểu P. Hòa Hiệp Bắc	Thừa Thiên Huế H. Phú Lộc TT. Lăng Cô	Đèo Hải Vân (mỏm núi Sơn Trà)	584,66	01 điểm
10	T. Khánh Hòa TX. Ninh Hòa Xã Ninh Tây	T. Đắk Lắk H. Ma Đ'Răk Xã Ea Trang	Xã Ninh Tây với Ea Trang	9.284,00	01 điểm
11	T. Gia Lai	T. Kon Tum	Toàn Tuyển	2.441,00	01 điểm
12	TP. Hồ Chí Minh H. Cần Giờ Xã Thạnh An	T. Đồng Nai H. Nhơn Trạch Xã Phước An	Gò Gia	3.401,99	01 điểm
	Tổng cộng			53.826,53	24 điểm